TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 107/2025/QĐST-VLĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Chu Thị Vân.

***Thư ký phiên họp*:** Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 205/2025/TLST-VLĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 82/2025/QĐST-VLĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Đặng Thị G, sinh năm: 1991; thường trú: Ấp N, xã T, tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ cũ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh). Có yêu cầu vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trang Thị L, sinh năm 1996; thường trú: Ấp S, xã H, tỉnh An Giang (địa chỉ cũ: Ấp S, xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang). Có yêu cầu vắng mặt.

2. Công ty TNHH K; địa chỉ: khu phố A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở L1; địa chỉ: đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Đặng Thị G trình bày: Từ tháng 7/2012 đến tháng 05/2023, bà G làm việc tại Công ty TNHH L2, Công ty TNHH S, Công ty TNHH S1 và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ Bảo hiểm xã hội (viết tắt là BHXH) 7412212001. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ tháng 12/2012 đến tháng 6/2015, bà G cho bà Trang Thị L mượn chứng minh nhân dân để xin việc làm tại Công ty TNHH

K và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ 7412061740. Bà G xác định người ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH K là bà Trang Thị L. Do hiểu biết pháp luật hạn chế, để bà L tìm được việc làm có thu nhập nuôi sống bản thân và phụ giúp gia đình nên bà G mới cho mượn chứng minh nhân dân để đi xin việc. Vì vậy, bà G bị trùng bảo hiểm xã hội trong thời gian cho bà L mượn thông tin cá nhân để làm việc. Để đảm bảo quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bà G yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Đặng Thị G (do bà Trang Thị L là người ký kết) với Công ty TNHH K trong khoảng thời gian làm từ tháng 12/2012 đến tháng 6/2015 là vô hiệu. Bà Đặng Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trang Thị L thống nhất trình bày của bà Đặng Thị G. Để đảm bảo quyền lợi về bảo hiểm của bà G, bà L đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động theo đơn yêu cầu của bà Đặng Thị G. Bà Trang Thị L không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở T xác định: Bà Đặng Thị G có quá trình tham gia BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT) theo các số sổ BHXH: Từ tháng 7/2012 đến tháng 05/2023, bà G làm việc tại Công ty TNHH L2, Công ty TNHH S, Công ty TNHH S1 và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ Bảo hiểm xã hội (viết tắt là BHXH) 7412212001. Từ tháng 12/2012 đến tháng 6/2015, bà Đặng Thị G tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ Bảo hiểm xã hội (viết tắt là BHXH) 7412061740 tại Công ty TNHH K.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH K không có ý kiến gì.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Người yêu cầu bà Đặng Thị G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trang Thị L, Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Công ty TNHH K vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự là phù hợp. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Đặng Thị G là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Đặng Thị G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trang Thị L, Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Công ty TNHH K vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 12/2012 đến tháng 6/2015, người lao động tên Đặng Thị G giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH K và được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số sổ BHXH

7412061740. Tuy nhiên, bà Đặng Thị G và bà Trang Thị L đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH K và thực tế làm việc tại công ty T1 khoảng thời gian từ tháng 12/2012 đến tháng 6/2015 là bà Đặng Thị G (do bà Đặng Thị G cho bà Trang Thị L mượn chứng minh nhân dân để xin việc làm).

[2.2] Xét thấy, lời khai của bà Đặng Thị G và bà Trang Thị L phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở T. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian từ tháng 7/2012 đến tháng 05/2023, bà Đặng Thị G đang làm việc tại tại Công ty TNHH L2, Công ty TNHH S, Công ty TNHH S1 và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ Bảo hiểm xã hội (viết tắt là BHXH) 7412212001. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH K trong khoảng thời gian tháng 12/2012 đến tháng 6/2015 là bà Trang Thị L, không phải là bà Đặng Thị G.

Theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: "*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*". Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khoẻ và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*" và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*". Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: "*Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền*" và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: "*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*". Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L3 thì: *"...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...*". Do đó, có cơ sở xác định việc bà Trang Thị L mượn hồ sơ cá nhân của bà Đặng Thị G để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH số 7412061740 từ tháng 12/2012 đến tháng 6/2015 tại Công ty TNHH K là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị G về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Đặng Thị G với Công

ty TNHH K (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7412061740) bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: *"... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"*, chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị G về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH K trong giai đoạn từ tháng 12/2012 đến tháng 6/2015 là bà Trang Thị L, không phải là bà Đặng Thị G. Bà Đặng Thị G và bà Trang Thị L có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7412061740.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Đặng Thị G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, các Điều 146, 149, 361, 366, 367, 370, 371, 372, 401 và 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, các Điều 50, 51 và 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, các Điều 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Đặng Thị G.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Đặng Thị G với Công ty TNHH K (Theo sổ bảo hiểm xã hội số 7412061740) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7412061740 không phải là bà Đặng Thị G, sinh năm 1991; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số 084191007985. Bà Đặng Thị G và bà Trang Thị L được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7412061740.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Đặng Thị G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0007671 ngày 05/8/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền

kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16, TP.Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16, TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Chu Thị Vân